***Họ và tên GV: Nguyễn Thị Thanh Mai***

***Tổ : 2 + 3***

**Ma trận nội dung kiểm tra môn Tiếng Việt**

**Cuối kì II - Lớp 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mạch kiến thức,**  **kĩ năng** | **Số câu và số điểm** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** | **Mức 4** | **Tổng** |
| **Đọc hiểu nội dung bài:** biết đọc thầm nội dung bài và trả lời được các câu hỏi liên quan đến nội dung bài. | Số câu | 2 | 3 |  | 1 | 6 |
| Số điểm | 1 | 1,5 |  | 1 | 3,5 |
| **Luyện từ và câu:** biết phân biệt các từ chỉ sự vật, hoạt động, trạng thái, đặc điểm; biết sử dụng dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm hỏi; biết phân biệt các kiểu câu thuộc dạng Ai là gì?, Ai làm gì?, Ai thế nào?, Khi nào?, Như thế nào?, Để làm gì?, Ở đâu?, Vì sao? | Số câu | 1 | 2 | 1 |  | 4 |
| Số điểm | 0,5 | 1 | 1 |  | 2,5 |
| Tổng | Số câu | 3 | 5 | 1 | 1 | 10 |
| Số điểm | 1,5 | 2,5 |  | 1 | 6 |

**Ma trận câu hỏi đề kiểm tra môn Tiếng Việt**

**Cuối kì II - Lớp 2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | | **Mức 1** | | **Mức 2** | | **Mức 3** | | **Mức 4** | | **Tổng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| **1** | **Đọc hiểu nội dung bài** | Số câu | 2 |  | 3 |  |  |  |  | 1 | 06 |
| Câu số | ***1, 2*** |  | ***3,*** ***5, 6*** |  |  |  |  | ***4*** |  |
| **2** | **Kiến thức Tiếng Việt** | Số câu | 1 |  | 2 |  |  | 1 |  |  | 04 |
| Câu số | ***9*** |  | ***7,8*** |  |  | ***10*** |  |  |  |
| **Trổng số câu** | | | 03 |  | 0**5** |  |  | 01 |  | 01 | 10 |
| **Tổng số điểm** | | | 1, ***5*** | | 2,***5*** | | 1 | | 1 | | 6 |

**Trường:** ……..…………………… **ĐỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI HỌC KỲ II - LỚP 2**

**Họ và tên HS:** ……..…………………… **NĂM HỌC: 2018 - 2019**

**Lớp:**………………  **MÔN: TIẾNG VIỆT - THỜI GIAN: PHÚT**

*(Không kể thời gian kiểm tra đọc thành tiếng)*

*Ngày kiểm tra: ………. tháng … năm 2019*

*.*

***Điểm***

***Nhận xét của thầy cô***

………………………………………………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………………………………………….....

**Phần I:** **Kiểm tra đọc (10 điểm):**

**1. Đọc thành tiếng (4 điểm):**

*\* Nội dung: Bốc thăm, đọc và trả lời câu hỏi về nội dung đoạn đọc.*

+ Bài Những quả đào đoạn “Sau một chuyến đi xa … Ông hài long nhận xét” (Tiếng Việt 2 Tập 2, trang 18).

+ Bài Ai ngoan sẽ được thưởng đoạn “Các em nhỏ đứng thành vòng rộng … đến hết” (Tiếng Việt 2 Tập 2, trang 34)

+ Bài Chuyện quả bầu đoạn "Trước khi về rừng........hai vợ chồng thoát nạn” 2(Tiếng Việt 2 Tập 2,trang 57)

+ Bài Bóp nát quả cam đoạn “Vừa lúc ấy … cho Quốc Toản một quả cam ” (Tiếng Việt 2 Tập 2, trang 70)

+ Bài Người làm đồ chơi đoạn “Dạo này hàng của bác … cảm động ôm lấy tôi ” (Tiếng Việt 2 Tập 2, trang 81)

*Thời lượng: Khoảng 40 tiếng/ phút.*

**2. Đọc thầm bài “Chuyện quả bầu” và sách Tiếng Việt 2 tập 2 và trả lời câu hỏi (6 điểm):**

**Câu 1**: Con dúi báo với hai vợ chồng điều gì?

a. Sắp có nạn lụt và cách thoát nạn

b. Họ sắp có con

c. Họ sắp giàu có

**Câu 2**: Hai vợ chồng vừa chuẩn bị xong thì điều gì xảy ra?

a. Sấm chớp đùng đùng

b. Mây đen ùn ùn kéo đến

c. Cả hai câu trên đều đúng

**Câu 3**: Hai vợ chồng làm thế nào để thoát nạn?

a. Chuyển đi một nơi khác để ở

b. Lấy khúc gỗ to, khoét rỗng ruột, bịt kín miệng gỗ bằng sáp ong, chui vào đó

c. Làm một cái bè to bằng gỗ rồi chui vào đó

**Câu 4**: Vì sao hai vợ chồng thoát nạn?

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**Câu 5** : Sau trận lụt, mặt đất và muôn vật như thế nào?

1. Mặt đất xanh tươi, những đồng lúa chín vàng

b. Mặt đất đầy bùn và những vũng nước mưa còn đọng lại

c. Cỏ cây vàng úa, mặt đất vắng tanh không một bóng người

**Câu 6** : Sau khi thoát nạn thì điều gì xảy ra với hai vợ chồng?

1. Người vợ sinh ra những con người bé nhỏ

b. Người vợ sinh ra một quả bầu

c. Không có điều gì xảy ra

**Câu 7:** Bộ phận in đậm trong câu:" **Ít lâu sau,** người vợ sinh ra một quả bầu.” trả lời cho câu hỏi nào?

a. Khi nào? b. Ở đâu? c. Để làm gì?

**Câu 8**: Câu: “ Muôn loài đều chết chìm trong biển nước” thuộc kiểu câu nào?

a. Ai là gì? b. Ai làm gì? c. Ai thế nào?

**Câu 9:** Từ trái nghĩa với từ “ buồn” là: …………………………

**Câu 10**: Đặt một câu với từ em vừa tìm được ở câu trên

………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………..

**Phần 2. Kiểm tra viết (10 điểm):**

**1. Viết chính tả** (Nghe- viết): 4 điểm

Giáo viên đọc cho học sinh viết chính tả Bài: Đàn bê của anh Hồ Giáo (Sách Tiếng Việt 2 - Tập 2 – Trang 140).

**2. Tập làm văn**

Chọn một trong hai đề sau

Đề 1: Viết một đoạn văn ngắn kể về một người thân mà em yêu quý.

Đề 2: Viết một đoạn văn ngắn kể về mùa hè.

**ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM MÔN TIẾNG VIỆT**

**A. Kiểm tra đọc:**

**1. Đọc thành tiếng (4 điểm)**

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm

- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm

- Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa: 1 điểm

- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

- Đọc sai tiếng, phát âm không chuẩn, sai phụ âm đầu, bỏ chữ, đọc chậm, ngắt nghỉ hơi chưa đúng chỗ,...(Tùy mức độ cho điểm)

**2 Kiểm tra đọc hiểu kết hợp kiểm tra từ và câu (6 điểm)**

Câu 1: C - 0,5 điểm

Câu 2: C - 0,5 điểm

Câu 3: A - 0,5 điểm

Câu 4: B - 0,5 điểm

Câu 5: B - 0,5 điểm

Câu 6: A - 0,5 điểm

Câu 7: Trả lời đúng ý được 1 điểm.

Vào những đêm trăng sáng, Sông Hương là một đường trăng lung linh dát vàng. Do dòng sông được ánh trăng vàng chiếu rọi, sáng lung linh.

Câu 8: Trả lời đúng ý được 1 điểm.

Vì Sông Hương làm cho thành phố Huế thêm đẹp, không khí thành phố trở nên trong lành, làm tan biến những tiếng ồn ào của chợ búa, tạo cho thành phố một vẻ êm đềm.

Câu 9: Trả lời đúng ý được 1 điểm.

Sông Hương là một bức tranh phong cảnh rất đẹp hoặc Sông Hương rất đẹp.

**B. Kiểm tra viết( 10 điểm)**

**1. Viết chính tả (5 điểm)**

- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ: 3 điểm

- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 1 điểm

- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp : 1 điểm

**2. Tập làm văn (5 điểm)**

- Nội dung: 2,5 điểm

HS viết được đoạn văn gồm các ý theo yêu cầu nêu trong đề bài.

- Kĩ năng: 2,5 điểm

Điểm tối đa cho kĩ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

Điểm tối đa cho kĩ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm

Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 0,5 điểm